TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 11/2026/HC-PT Ngày 16 – 6 – 2026. *V/v Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Trang; bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Khắc Anh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số: 16/2025/HCPT ngày 15/12/2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất". Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2025/HCST ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk bị kháng cáo. Giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Vương Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bị kiện*:

1. Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: C N, thôn C, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

2. UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã T và UBND xã T: Ông Nguyễn Minh Q1 – Phó Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Scanned with CamScanner

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Nguyễn Vương Q (ông Q) trình bày:

Cha ông Q tên Nguyễn Chí T (chết năm 2009), mẹ Phạm Thị S tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà cấp 4 gắn liền quyền sử dụng diện tích khoảng 500m^2 đất tọa lạc tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk). Vợ chồng ông T, bà S có 04 người con gồm Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Vương Q, Nguyễn Thị Quốc V. Ông Q và bà H sinh sống cùng nhà với vợ chồng ông T, bà S. Năm 2016, ông Q tách khẩu khỏi hộ gia đình vợ chồng ông T, bà S, thiết lập sổ hộ khẩu gia đình riêng do ông Q làm chủ hộ. Cùng năm, ông Q lấy vợ, vợ chồng ông Q vẫn sống cùng nhà với vợ chồng ông T, bà S. Đến năm 2020 thì vợ chồng ông Q ly hôn. Vợ ông Q và con gái đi nơi khác sinh sống. Còn ông Q vẫn sống cùng nhà với vợ chồng ông T, bà S. Tuy vợ chồng Q sống với nhau từ năm 2016 đến 2020 nhưng vợ ông Q chưa nhập khẩu về chung hộ với ông Q nên hộ gia đình ông Q, thành viên có 01 người là ông Q, đến thời điểm hiện nay không có gì thay đổi.

Ông Q làm nghề tài xế nên thường xuyên vắng nhà. Tuy nhiên, ngoài thời gian làm công việc lái xe chở khách thì nơi sinh sống chính của ông Q là nhà vợ chồng ông T, bà S. Ngoài nơi ở của vợ chồng ông T, bà S thì ông Q không có nơi ở nào khác.

Ngày 23/12/2022 UBND huyện T ra thông báo số 680/TB-UBND thông báo thu hồi đất của bà S đối với thửa 183, diện tích 445,1m^2. Ngày 29/12/2022 UBND huyện T thực hiện kiểm kê tài sản bị thu hồi. Ngày 02/4/2024 UBND huyện T ra Quyết định số 1126/QĐ-UBND thu hồi đất của bà S đối với thửa 183, diện tích 445,1m^2 đất, trong đó gồm 140m^2 đất ở và 305,1m^2 đất BHK.

Ngày 02/4/2024 UBND huyện T ra Quyết định số 1114/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện tiểu dự án thành phần đoạn Q - C thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn huyện T (địa điểm xã A, huyện T). Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thì chỉ có bà Phạm Thị S và bà Nguyễn Thị H được Nhà nước bố trí đất tái định cư. Bà S là hộ chính còn bà H và con gái là hộ phụ, còn ông Q không được Nhà nước xem xét bố trí đất tái định cư. Việc này ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của ông Q.

Ngày 03/02/2025 ông Q có đơn đề nghị UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) xem xét cấp đất tái định cư (hộ phụ). UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành công văn số 1057/UBND ngày 14/4/2025 v/v trả lời đơn đề nghị của ông Q, nội dung không xem xét giao đất trong khu tái định cư xã A cho ông Q.

Ngày 04/5/2025, ông Q có đơn khiếu nại công văn số 1057/UBND ngày

Scanned with CamScanner

14/4/2025 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ). Ngày 25/6/2025, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2637/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Vương Q, nội dung không công nhận nội dung khiếu nại của ông Q.

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, khoản 3 Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P. Ông Q khởi kiện Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk; yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên do Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk kế thừa quyền, nghĩa vụ; yêu cầu Tòa án công nhận trường hợp của ông Q đủ điều kiện được giải quyết giao đất tái định cư (hộ phụ) có thu tiền sử dụng đất.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk do người đại diện trình bày:

Thực hiện dự án thành phần đoạn Q - C thuộc dự án XDCT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025. Hộ gia đình bà Phạm Thị S bị ảnh hưởng tại thửa đất số 183, tờ bản đồ số 2 bản đồ trích đo địa chính năm 2022. Hiện bà S chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 07/10/2022, hiện trạng thửa đất số 183 hộ gia đình bà Phạm Thị S đang trực tiếp sử dụng đất để ở sinh hoạt cùng 02 hộ của con (02 hộ con không thường xuyên có mặt tại địa phương, qua xác minh của Công an xã A thì hai hộ ở chung trên thửa đất ở bao gồm bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Vương Q hộ khẩu vẫn tại địa phương).

Theo hiện trạng và kiểm kê các hạng mục công trình nằm trên thửa đất bà Phạm Thị S kê khai. Các hạng mục công trình có kết cấu liền khối nhau, diện tích công trình là 107,66m^2. Các hạng mục công trình này xây dựng trên đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cũng chưa được công nhận tài sản gắn liền với đất. Hiện nay theo các giấy tờ chứng minh thì bà Phạm Thị S và chồng là ông Nguyễn Chí T (chết) là người sử dụng đất và tài sản, công trình gắn liền với đất.

Trước đây qua làm việc với ông Q, U đã đề nghị ông Q cung cấp các giấy tờ có liên quan chứng minh phần sở hữu của mình (được bà S cho tặng) trong các phần diện tích đất của bà S sở hữu nhưng ông Q không cung cấp được.

Ngày 05/03/2024, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 590/QĐ-UBND bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án thành phần đoạn Q - C thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025. Trong phương án đã bố trí cho hộ bà S thửa đất số 627, diện tích 250m^2, đất ở nông thôn và con là hộ bà Nguyễn Thị H (có cháu là Nguyễn Toàn T1) tại thửa số 614, diện tích 250m^2 đất ở nông thôn.

UBND huyện T và UBND xã A đã xem xét tất cả các yếu tố về điều kiện nơi ở tái định cư mới phải bằng và tốt hơn nơi ở cũ: Thửa đất ở cũ của bà Phạm Thị S

Scanned with CamScanner

có diện tích là 140m² đất ở nông thôn và 334,4m² đất trồng cây hằng năm, diện tích công trình xây dựng là 107,66m², tổng diện tích của các hộ gia đình bà S được bố trí vào khu tái định cư là 500m² đất ở nông thôn. Trong hộ ông Q sống chung nhà với hộ bà S chỉ có 01 khẩu (không có cháu nội bà S là Nguyễn An N – con ông Q). Ông Nguyễn Vương Q đã ly hôn với vợ và không sống cùng con trước thời điểm có thông báo thu hồi đất số 680/TB-UBND ngày 23/12/2022 và không có mặt thường xuyên tại địa phương.

Theo Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 27/3/2025 của UBND xã A về việc xác định thông tin những hộ gia đình, cá nhân thuộc diện xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất để thực hiện dự án cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn xã A (đợt 2). Hộ ông Nguyễn Vương Q tách hộ cùng nhà từ hộ bà Phạm Thị S từ ngày 18/11/2016 gồm 01 nhân khẩu, do ông Q làm chủ hộ. Hiện tình trạng hôn nhân của ông Q đã ly hôn, ông Q không nuôi con mà chỉ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn An N. Qua kiểm tra xác minh thực tế: Hộ ông Q hiện không thường xuyên sinh sống tại địa phương, đi làm ăn xa tại tỉnh Khánh Hòa. UBND xã A không đủ điều kiện xét hộ phụ giao đất tái định cư vì hộ có 1 khẩu và không thường xuyên sinh sống cùng nhà với hộ bà Phạm Thị S. Trường hợp này đã có Thông báo số 209/TB-UBND ngày 02/4/2025 của UBND huyện T về việc thẩm định xét các trường hợp hộ phụ bị thu hồi đất kết luận ông Q không đủ điều kiện giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Theo khoản 4 Điều 111 Luật đất đai năm 2024 thì trường hợp của ông Q không đủ điều kiện xem xét giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T do ông Nguyễn Minh Q1 đại diện trình bày: UBND xã T giữ nguyên quan điểm của nội dung công văn số 1057/UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ), đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S và bà Nguyễn Thị H trình bày: Thống nhất nội dung sự việc như ông Q trình bày. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2025/HCST ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại năm 2025; khoản 1 Điều 22 và khoản 3 Điều 59 Hiến pháp năm 2013; khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 4 Điều 4 Quyết định số

Scanned with CamScanner

39/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh P; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vương Q về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) và công văn số 1057/UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ).

Buộc UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm thực hiện công tác hỗ trợ tái định cư theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vương Q về việc yêu cầu Tòa án công nhận trường hợp của ông Nguyễn Vương Q đủ điều kiện được giải quyết giao đất tái định cư (hộ phụ) có thu tiền sử dụng đất.

Ngày 15/10/2025, UBND xã T và Chủ tịch UBND xã T – tỉnh Đắk Lắk nộp đơn kháng cáo Bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Qua xem xét, đánh giá toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) và công văn số 1057/UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ); buộc UBND xã T có trách nhiệm thực hiện công tác hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật là hoàn toàn có căn cứ bởi ông Nguyễn Vương Q thuộc trường hợp sống trên đất người khác, khi thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở; pháp luật không hạn chế quyền được hỗ trợ tái định cư đối với người làm ăn xa hoặc hộ đơn thân. Đối chiếu quy định tại thời điểm giải quyết thu hồi, bồi thường và hỗ trợ thì ông Nguyễn Vương Q đủ điều kiện xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 30/7/2025, ông Nguyễn Vương Q nộp đơn khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND

Scanned with CamScanner

huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) và tại phiên tòa bổ sung yêu cầu hủy công văn số 1057/UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ). Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND xã T thực hiện công tác hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vương Q còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại năm 2025.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vương Q và kháng cáo của người bị kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất thu hồi:

Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 02 bản đồ trích đo địa chính năm 2022. Diện tích thửa đất 474,4m^2, có nguồn gốc do vợ chồng bà Phạm Thị S (bố mẹ ông Q) nhận chuyển nhượng từ ông Kiều Văn K vào năm 1990; năm 1991 xây dựng nhà sử dụng ổn định đến nay, không xảy ra tranh chấp. UBND huyện T xác định bà Phạm Thị S đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo Điều 79 Luật đất đai năm 2013.

Thực hiện dự án thành phần đoạn Q - C thuộc dự án XDCT đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, hộ gia đình bà S bị thu hồi đợt 1 là 445,1m^2, thu hồi đợt 2 là 5,4m^2, diện tích đất còn lại 23,9m2.

Theo bảng Sơ họa tài sản bị ảnh hưởng đề ngày 19/12/2022, Biên bản kiểm kê đất đai, tài sản đề ngày 29/12/2022, Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đai tài sản gắn liền với đất bị thu hồi đề ngày 28/3/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) thể hiện trên thửa đất số 183 tồn tại các công trình có kết cấu liền khối nhau gồm: Nhà 1 tầng ký hiệu số "1" có diện tích 3,5m x 8m, nhà 1 tầng ký hiệu số "2" có diện tích 6,5m x 6,6m, nhà 1 tầng ký hiệu số "3" có diện tích 6m x 3,9m, nhà 1 tầng ký hiệu số "5" có diện tích 5,4m x 2m, nhà tạm ký hiệu số "4" có diện tích 4,6m x 8m, công trình phụ "ký hiệu WC" và chái hiên.

[2.2] Số nhân khẩu sống tại căn nhà 05 gian nêu trên gồm: Hộ bà Phạm Thị S gồm bà S và con là Nguyễn Thị Quốc V, hộ bà Nguyễn Thị H gồm bà H và con là Nguyễn Toàn T1, hộ ông Nguyễn Vương Q có 01 nhân khẩu là ông Q. Lời khai của bà S, bà H và ông Quốc Đ xác định Gian nhà ký hiệu số "1", "2", "4", "5" do bà S xây dựng, còn gian nhà ký hiệu số "3" do ông Q xây dựng vào năm 2017.

[2.3] Theo thông tin do Công an xã T cung cấp thì ông Q có nghề nghiệp là lái xe, hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, chưa có nơi đăng ký tạm trú; *"...ngày 18/11/2016 ông Q xin tách hộ riêng từ hộ mẹ ruột là hộ bà Phạm Thị*

Scanned with CamScanner

S ra lập hộ mới nhưng ở chung nhà gồm 01 khẩu: Nguyễn Vương Q, sinh ngày 08/4/1987, chủ hộ". Như vậy, ông Nguyễn Vương Q đã kết hôn và đã tách hộ theo quy định của luật cư trú từ trước khi có Thông báo thu hồi đất số 680/TB-UBND ngày 23/12/2022.

Trưởng thôn Phong H1 là ông Trần Văn B và những người dân sống tại địa phương gồm ông Phan Văn M, ông Trương Hữu H2, ông Nguyễn Văn Đ1 đều xác định ông Q từ nhỏ đến lớn sống chung nhà với bà S trên thửa đất số 183. Nhưng do đặc thù công việc nên không thường xuyên ở ổn định tại thôn P, xã T.

[2.4] Tại Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 22/02/2024 của UBND xã A xác nhận *"Hiện trạng thửa đất số: 183 hiện nay hộ gia đình Phạm Thị S đang trực tiếp sử dụng đất để ở sinh hoạt cùng 02 hộ của con"*, Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 30/5/2025 của UBND xã A xác nhận *"+ Hiện trạng thửa đất số 183 hiện nay hộ gia đình Phạm Thị S đang trực tiếp sử dụng đất để ở sinh hoạt cùng 02 hộ của con..."* và Báo cáo xác minh nội dung khiếu nại số 32/BC-TXM ngày 12/6/2025 của Tổ xác minh theo QĐ 1704 và QĐ 1940 của UBND huyện T có xác nhận *"Hộ ông Q chỉ có 1 khẩu sống chung nhà với hộ bà S..."*.

Như vậy, trên thực tế, ông Nguyễn Vương Q sinh sống trên thửa đất số 183, thuộc trường hợp sống nhờ trên đất người khác. Khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở và không có nơi ở nào khác trong địa bàn xã nơi có đất thu hồi. UBND xã T không chứng minh được ông Q còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn.

[2.5] Quy định về hỗ trợ tái định cư:

Thời điểm thu hồi đất và phê quyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là ngày 02/4/2024. Ngày 05/3/2024, UBND huyện T ban hành quyết định số 590 bố trí tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở để thực hiện dự án nên cấp sơ thẩm áp dụng các quy định đang có hiệu lực tại thời điểm này là đúng quy định.

Khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *"Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở* ***hoặc*** *giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định."*.

Khoản 4 Điều 4 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh P quy định: *"4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng*

Scanned with CamScanner

không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (bao gồm cả trường hợp có nhà ở trên đất của người khác), nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất **hoặc** *bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính thu tiền sử dụng đất được xác định bằng giá đất trong bảng giá đất nhân (x) với hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo từng dự án, công trình cụ thể."*

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện trình bày: Khu tái định cư có 26 lô, đã giao 15 lô, còn 11 lô. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện cũng xác nhận nội dung trên. Như vậy, quỹ đất tái định cư để thực hiện công tác hỗ trợ tái định cư vẫn còn.

[2.6] Đối chiếu các quy định nêu trên, hiện tại quỹ đất tái định cư đang còn nên trường hợp ông Q đủ điều kiện để được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) cho rằng việc ông Q là hộ đơn thân, đồng thời cho rằng ông Q không chứng minh phần sở hữu của mình trong thửa đất bà S đang ở nên không xem xét giải quyết nhu cầu về đất ở đối với ông Q là không phù hợp, bởi không có quy định nào hạn chế điều kiện được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất đối với người làm ăn xa hoặc hộ gia đình đơn thân.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vương Q, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) và công văn số 1057/UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ), buộc người có thẩm quyền thực hiện hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Vương Q theo quy định pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên hiện nay, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì thẩm quyền quyết định phê quyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được chuyển giao cho Chủ tịch UBND cấp xã, án sơ thẩm tuyên buộc UBND xã thực hiện là không đúng thẩm quyền. Do đó, cần sửa nội dung này cho phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Biên bản phiên tòa thể hiện ông Q giữ nguyên yêu cầu buộc cơ quan có thẩm quyền thực hiện hỗ trợ tái định cư theo quy định và rút yêu cầu giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm đã "Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vương Q về việc yêu cầu Tòa án công nhận trường hợp của ông Nguyễn Vương Q đủ điều kiện được giải quyết giao đất tái định cư (hộ phụ) có thu tiền sử dụng đất". Việc đình chỉ là không cần thiết bởi trong vụ án hành chính, yêu cầu thực hiện hỗ trợ tái định cư hay yêu cầu giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không phải là các yêu cầu độc lập mà đều là yêu cầu xem xét giải quyết nhu cầu được giao

Scanned with CamScanner

đất để ở. Tòa án có thẩm quyền xem xét các quy định để quyết định. Do đó, cần điều chỉnh lại theo hướng không tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện để tránh vướng mắc khi thi hành án.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã giải quyết đảm bảo đúng quy định, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, cần giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã T và Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T – tỉnh Đắk Lắk. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 30/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 59 Hiến pháp năm 2013; khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh P;

- Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Vương Q

[1.1] Tuyên hủy công văn số 1057/UBND ngày 14/4/2025 của UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2637/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên (cũ).

[1.2] Tuyên bố hành vi không giao 01 (một) thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Nguyễn Vương Q là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk thực hiện nhiệm vụ công vụ giao 01 (một) thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá cho ông Nguyễn Vương Q theo quy định của pháp luật.

[2] Án phí hành chính sơ thẩm:

- UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk và Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk mỗi đương sự phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hành chính sơ thẩm.

Scanned with CamScanner

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Vương Q 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002543 ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 14, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm:

UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk và Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Đắk Lắk mỗi đương sự phải chịu là 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0003322 và số 0003332 cùng ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 14;
- Phòng THADS khu vực 14;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường

Scanned with CamScanner